

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN
SỬ PÁN 2**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	14 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Sử Pán 2 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Thủy điện Sử Pán 2 trước đây là Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà – Hoàng Liên hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1203000045 ngày 09 tháng 3 năm 2006 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai 10 lần cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Trong đó:

Giấy chứng nhận đăng ký Công ty Cổ phần điều chỉnh lần thứ chín ngày 06 tháng 6 năm 2016 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Giấy chứng nhận đăng ký Công ty Cổ phần điều chỉnh lần thứ mười ngày 27 tháng 6 năm 2016 về việc thay đổi tên Công ty và đổi địa chỉ trụ sở chính.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Thôn Hoàng Liên, xã Bản Hồ, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai, Việt Nam
- Điện thoại : 0203 871 727
- Fax : 0203 873 079

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Tư vấn giám sát xây dựng và lắp đặt các thiết bị các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị;
- Quản lý dự án công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, các công trình kỹ thuật đô thị;
- Lập quy hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết các công trình dân dụng, công nghiệp và các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị;
- Khảo sát địa hình, địa chất công trình và địa chất thủy văn công trình;
- Lập dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị;
- Thiết kế các công trình thủy công, thủy lợi, thủy điện, nhà máy thủy điện;
- Thiết kế các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, công trình cấp, thoát nước, cơ điện công trình;
- Thẩm định thiết kế và tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, công trình giao thông, các công trình kỹ thuật đô thị;
- Tư vấn lập hồ sơ mời thầu xây lắp, hồ sơ mời thầu thiết bị các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị;
- Đầu tư xây lắp các công trình thủy điện vừa và nhỏ, sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình điện; kinh doanh bất động sản; kinh doanh dịch vụ du lịch, khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng và văn phòng cho thuê;

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lắp đặt cấu kiện bê tông, kết cấu thép, các thiết bị điện nước; sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng;
- Khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản;
- Thi công xây lắp đường dây và trạm biến áp đến 110 KV; sửa chữa các thiết bị điện và gia công cơ khí; hướng dẫn đào tạo công nhân vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ, thi công lắp đặt hệ thống điện, nước, thông tin.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Mai Huy Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2016
Ông Nguyễn Bạch Dương	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2016
Ông Lê Việt Đoàn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2016
Ông Nguyễn Văn Bút	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2016
Ông Trịnh Khải	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2016
Ông Nguyễn Văn Đại	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2016
Ông Nguyễn Thanh Kim	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2016
Ông Lê Việt Thắng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2016
Ông Nguyễn Văn Nhân	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2016

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Bà Trương Thị Kim Hòa	Trưởng Ban	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2016
Ông Đặng Quang Hiệu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2016
Ông Nguyễn Đình Thiện	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2016
Ông Phạm Đức Trọng	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2016
Bà Trương Thị Kim Hòa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2016
Bà Ngô Thị Pho	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2016

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm /miễn nhiệm
Ông Lê Việt Đoàn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 5 năm 2016
Ông Nguyễn Thanh Kim	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 5 năm 2016
Ông Nguyễn Thanh Kim	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2016
Ông Nguyễn Khả Lộc	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2015

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Lê Việt Đoàn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 5 năm 2016
Ông Nguyễn Thanh Kim	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 5 năm 2016

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;

Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;

Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Lê Việt Đoàn
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2016



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Truong Son St., W. 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 380/2016/BCTC-KTTV

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Sử Pán 2 (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 11 tháng 8 năm 2016, từ trang 07 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến thuyết minh VIII.5 của Công ty được trình bày trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Phạm Quang Huy

Phó Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1409-2013-008-1

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2

Địa chỉ: thôn Hoàng Liên, xã Bản Hồ, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		58.960.466.351	53.763.536.530
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2.362.675.752	3.596.165.164
1. Tiền	111		2.362.675.752	3.596.165.164
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		56.305.434.352	49.428.529.635
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	25.483.037.297	17.630.875.761
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	9.798.571.617	8.090.951.398
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	21.848.825.438	23.706.702.476
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(825.000.000)	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	86.890.158
1. Hàng tồn kho	141		-	86.890.158
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		292.356.247	651.951.573
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	292.356.247	526.241.244
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	125.710.329
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2

Địa chỉ: thôn Hoàng Liên, xã Bản Hồ, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		947.610.252.833	1.033.286.798.341
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		49.815.000	49.815.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	49.815.000	49.815.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		884.514.685.816	908.623.709.071
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	884.514.685.816	908.623.709.071
<i>Nguyên giá</i>	222		1.100.013.492.081	1.102.749.774.393
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(215.498.806.265)	(194.126.065.322)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		59.393.874.839	119.459.057.381
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	868.883.043
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	59.393.874.839	118.590.174.338
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.930.590.623	4.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2	4.000.000.000	4.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2	(1.069.409.377)	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		721.286.555	1.154.216.889
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	721.286.555	1.154.216.889
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.006.570.719.184	1.087.050.334.871

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2

Địa chỉ: thôn Hoàng Liên, xã Bản Hồ, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.106.578.859.264	1.137.457.465.473
I. Nợ ngắn hạn	310		407.796.349.264	426.950.955.473
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	131.854.554.520	146.490.177.378
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	30.081.809.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	2.419.079.507	2.428.532.021
4. Phải trả người lao động	314		1.099.877.231	23.830.572
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	196.299.126.807	173.925.892.183
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	7.855.451.002	7.845.588.326
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14a	68.268.260.197	66.155.125.993
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		698.782.510.000	710.506.510.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14b	698.782.510.000	710.506.510.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2

Địa chỉ: thôn Hoàng Liên, xã Bản Hồ, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(100.008.140.080)	(50.407.130.602)
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	(100.008.140.080)	(50.407.130.602)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		152.460.000.000	152.460.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		152.460.000.000	152.460.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(2.521.700.000)	(2.521.700.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(249.946.440.080)	(200.345.430.602)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(200.345.430.602)	(164.944.965.791)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(49.601.009.478)	(35.400.464.811)
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.006.570.719.184	1.087.050.334.871

Lập, ngày 11 tháng 8 năm 2016

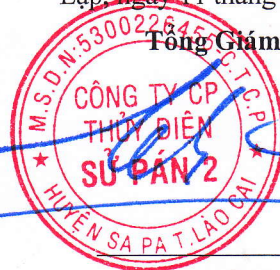
Người lập biểu

Kim Văn Sỹ

Kế toán trưởng

Nguyễn Bá Nhất

Tổng Giám đốc



Lê Viết Đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2

Địa chỉ: thôn Hoàng Liên, xã Bản Hồ, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	49.139.044.998	44.718.005.807
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		49.139.044.998	44.718.005.807
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	39.545.891.072	33.954.287.049
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9.593.153.926	10.763.718.758
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	32.839.040	3.907.480
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	37.392.666.845	38.706.142.539
Trong đó: chi phí lãi vay	23		36.322.343.270	38.323.082.497
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	4.682.989.490	3.471.219.248
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(32.449.663.369)	(31.409.735.549)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	43.095.312.737	-
12. Chi phí khác	32	VI.7	59.872.360.162	580.962.505
13. Lợi nhuận khác	40		(16.777.047.425)	(580.962.505)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(49.226.710.794)	(31.990.698.054)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.11	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(49.226.710.794)	(31.990.698.054)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	(3.273)	(2.128)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	(3.273)	(2.128)

Lập, ngày 11 tháng 8 năm 2016

Người lập biểu

Kim Văn Sỹ

Kế toán trưởng

Nguyễn Bá Nhất

Tổng Giám đốc



Lê Viết Đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2

Địa chỉ: thôn Hoàng Liên, xã Bản Hồ, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(49.226.710.794)	(31.990.698.054)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	23.915.549.265	24.030.235.638
- Các khoản dự phòng	03	1.894.409.377	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	231.028.598
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	16.670.731.279	-
- Chi phí lãi vay	06 VI.4	36.322.343.270	38.323.082.497
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	29.576.322.397	30.593.648.679
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(6.586.194.388)	(3.994.778.748)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(13.925.455.029)	3.436.556.948
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	666.815.331	(610.705.700)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(12.418.955.450)	(15.655.227.790)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.687.467.139)	13.769.493.389
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(42.500.000)	(2.967.586.375)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	12.249.477.727	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	1.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	12.206.977.727	(1.967.586.375)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2

Địa chỉ: thôn Hoàng Liên, xã Bản Hồ, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh		
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(10.753.000.000)	(12.650.490.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(10.753.000.000)</i>	<i>(12.650.490.000)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(1.233.489.412)	(848.582.986)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	3.596.165.164	3.665.506.315
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	1.854.618
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70 V.1	<u>2.362.675.752</u>	<u>2.818.777.947</u>

Người lập biểu

Kim Văn Sỹ

Kế toán trưởng

Nguyễn Bá Nhất

Lập, ngày 11 tháng 8 năm 2016

Tổng Giám đốc



Lê Việt Đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2

Địa chỉ: Thôn Hoàng Liên, xã Bản Hồ, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Sử Pán 2 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Đầu tư xây dựng và vận hành nhà máy thủy điện.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Sản xuất và cung cấp điện thương phẩm

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty liên doanh, liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây lắp Sông Đà Hoàng Liên có trụ sở chính tại Bản Dền, xã Bản Hồ, huyện Sa Pa, Tỉnh Lào Cai. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản và vật liệu xây dựng và nhận thầu xây lắp các công trình thủy lợi, thủy điện, công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp, công trình trạm biến áp và đường dây. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 40%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 63 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 67 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2

Địa chỉ: thôn Hoàng Liên, xã Bản Hồ, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các công nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

38
11 R
ON
NH
TOA
AI
D

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2

Địa chỉ: thôn Hoàng Liên, xã Bản Hồ, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm: Chi phí bảo hiểm công trình và chi phí công cụ dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2

Địa chỉ: thôn Hoàng Liên, xã Bản Hồ, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc và thiết bị	6 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8
Tài sản cố định khác	6

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.

Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2

Địa chỉ: thôn Hoàng Liên, xã Bản Hồ, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán điện thương phẩm

Doanh thu bán điện thương phẩm được ghi nhận khi người mua xác nhận sản lượng điện tiêu thụ, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

13. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

16. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2

Địa chỉ: thôn Hoàng Liên, xã Bản Hồ, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

17. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- ♦ Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- ♦ Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	297.086.961	1.193.259.118
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.065.588.791	2.402.906.046
Cộng	<u>2.362.675.752</u>	<u>3.596.165.164</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2

Địa chỉ: thôn Hoàng Liên, xã Bản Hồ, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Đầu tư vào công ty liên kết:</i>	4.000.000.000	(1.069.409.377)	4.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Sông Đà Hoàng Liên ⁽ⁱ⁾	4.000.000.000	(1.069.409.377)	4.000.000.000	-
Cộng	4.000.000.000	(1.069.409.377)	4.000.000.000	-

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty Cổ phần Xây lắp Sông Đà Hoàng Liên:
- Vốn góp của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà – Hoàng Liên (hiện nay là Công ty Cổ phần Thủy điện Sử Pán 2) là 2.750.000.000 VND.
 - Vốn góp của cán bộ công nhân viên Công ty là 1.250.000.000 VND.
- Phần vốn góp của cán bộ công nhân viên là 1.250.000.000 đồng được ủy thác cho Công ty và phản ánh ở chỉ tiêu “Phải trả ngắn hạn khác” (xem thuyết minh số V.13).

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng bổ sung	1.069.409.377	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối kỳ	1.069.409.377	-

Giao dịch với công ty liên kết

Công ty không phát sinh giao dịch với công ty liên kết.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	25.483.037.297	17.630.875.761
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	24.483.037.297	17.630.875.761
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại 299	1.000.000.000	-
Cộng	25.483.037.297	17.630.875.761

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	2.065.821.581	1.865.821.581
Công ty Cổ phần Xây lắp Sông Đà - Hoàng Liên	2.065.821.581	1.865.821.581
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	7.732.750.036	6.225.129.817
Công ty TNHH Phú Đức	5.889.342.630	4.889.342.630
Các nhà cung cấp khác	1.843.407.406	1.335.787.187
Cộng	9.798.571.617	8.090.951.398

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2

Địa chỉ: thôn Hoàng Liên, xã Bản Hồ, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	21.848.825.438	(825.000.000)	23.706.702.476	-
Tạm ứng	1.211.614.000	(825.000.000)	3.175.231.750	-
Phải thu Công ty Cổ phần Thủy điện Sapa về tiền bồi thường	17.565.791.788	-	17.565.791.788	-
Thuế GTGT của tài sản thuê tài chính	2.426.216.365	-	2.426.216.365	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	645.203.285	-	539.462.573	-
Cộng	21.848.825.438	(825.000.000)	23.706.702.476	-

5b. Phải thu dài hạn khác

Là các khoản kỳ cược, kỳ quỹ dài hạn.

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>		-	-	-	-	
<i>Các cá nhân khác</i>		825.000.000	-	825.000.000	825.000.000	
Phải thu tiền tạm ứng Ông Bùi Khắc Hoàng	Trên 3 năm	825.000.000	-	Trên 3 năm	825.000.000	
Cộng		825.000.000	-	825.000.000	825.000.000	

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng bổ sung	825.000.000	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối kỳ	825.000.000	-

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Là chi phí bảo hiểm tài sản còn phải phân bổ.

7b. Chi phí trả trước dài hạn

Là chi phí công cụ, dụng cụ còn phải phân bổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2

Địa chỉ: thôn Hoàng Liên, xã Bản Hồ, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	729.750.018.562	369.291.491.701	3.229.496.178	478.767.952	1.102.749.774.393
Mua trong kỳ	-	42.500.000	-	-	42.500.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.445.848.360)	(332.933.952)	(2.778.782.312)
Số cuối kỳ	729.750.018.562	369.333.991.701	783.647.818	145.834.000	1.100.013.492.081
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	78.214.000	78.214.000
Chờ thanh lý					
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	119.324.629.212	71.956.780.423	2.387.735.421	456.920.266	194.126.065.322
Khấu hao trong kỳ	14.660.879.418	9.143.221.782	103.124.379	8.323.686	23.915.549.265
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.209.874.370)	(332.933.952)	(2.542.808.322)
Số cuối kỳ	133.985.509.630	81.100.002.205	280.985.430	132.310.000	215.498.806.265
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	610.425.389.350	297.334.711.278	841.760.757	21.847.686	908.623.709.071
Số cuối kỳ	595.764.509.932	288.233.989.496	502.662.388	13.524.000	884.514.685.816
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 883.998.499.428 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Lào Cai.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	5.008.649.482	-	-	-	5.008.649.482
Xây dựng cơ bản dở dang	113.581.524.856	4.095.563.350	(59.766.044.016)	(3.525.818.833)	54.385.225.357
Công trình đường dây 110KV	87.517.588	-	-	-	87.517.588
Dự án Sử Pán 2	47.319.743.480	1.621.171.659	-	(442.691.331)	48.498.223.808
Dự án Sử Pán 1	4.156.053.309	247.810.371	-	(644.354.037)	3.759.509.643
Dự án Làng Sông Đà	-	65.160.158	-	-	65.160.158
Dự án thủy điện Nậm Cùn	60.009.036.579	2.161.421.162	(59.766.044.016)	(2.404.413.725)	-
Dự án thủy điện tại Văn Bản	2.009.173.900	-	-	(34.359.740)	1.974.814.160
Cộng	118.590.174.338	4.095.563.350	(59.766.044.016)	(3.525.818.833)	59.393.874.839

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2

Địa chỉ: thôn Hoàng Liên, xã Bản Hồ, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>121.585.224.937</i>	<i>128.626.742.812</i>
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	1.954.686.819	2.195.786.178
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	1.463.289.775	1.463.289.775
Công ty Cổ phần Sông Đà 8	488.323.471	488.323.471
Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02	26.454.397.450	28.954.397.450
Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà	69.625.310.422	71.625.310.422
Công ty Cổ phần Sông Đà 25	3.286.936.288	3.218.373.288
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	6.737.964.535	8.237.964.535
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	11.206.335.418	11.875.316.934
Công ty Cổ phần Sông Đà 19	217.980.759	417.980.759
Tổng Công ty Sông Đà	150.000.000	150.000.000
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>10.269.329.583</i>	<i>17.863.434.566</i>
Công ty Cổ phần xây dựng Đại Phúc	-	1.168.715.058
Công ty Cổ phần Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long	7.300.543.673	9.300.543.673
Tổng Công ty Thủy điện thủy lợi Bắc Kinh	-	5.406.523.944
Các nhà cung cấp khác	2.968.785.910	1.987.651.891
Cộng	<u>131.854.554.520</u>	<u>146.490.177.378</u>

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã thực nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	619.470.993	4.037.180.005	(4.558.169.783)	98.481.215
Thuế thu nhập cá nhân	20.121.255	30.338.511	(30.633.148)	19.826.618
Thuế tài nguyên	933.387.537	3.448.049.391	(3.201.207.090)	1.180.229.838
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	855.552.236	1.062.894.000	(797.904.400)	1.120.541.836
Cộng	<u>2.428.532.021</u>	<u>8.581.461.907</u>	<u>(8.590.914.421)</u>	<u>2.419.079.507</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 22%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(49.226.710.794)	(31.990.698.054)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	15.418.035.061	11.246.139.223
- Các khoản điều chỉnh tăng		
<i>Thù lao HĐQT không điều hành</i>	168.000.000	108.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2

Địa chỉ: thôn Hoàng Liên, xã Bản Hồ, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Lãi vay tương ứng vốn điều lệ góp thiếu</i>	12.590.013.113	8.847.278.610
<i>Khấu hao tương ứng với phần lãi vay (lãi vay ứng với vốn điều lệ góp thiếu) đã vốn hóa trong nguyên giá Dự án thủy điện Sử Pán 2</i>	1.294.898.108	1.294.898.108
<i>Phạt chậm nộp thuế, chậm nộp bảo hiểm</i>	85.123.840	570.962.505
<i>Chi phí dự phòng phải thu khó đòi không đầy đủ hồ sơ</i>	825.000.000	-
<i>Chi phí không phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh</i>	455.000.000	425.000.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	(33.808.675.734)	(20.744.558.831)
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	(33.808.675.734)	(20.744.558.831)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động thủy điện với mức thuế suất 4%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>196.299.126.807</i>	<i>173.925.892.183</i>
Chi phí lãi vay phải trả	195.838.439.994	173.077.186.378
Trích trước chi phí công trình Sử Pán 2	460.686.813	848.705.805
Cộng	196.299.126.807	173.925.892.183

13. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>931.380.895</i>	<i>931.380.895</i>
Phải trả Tổng Công ty Sông Đà về tiền cung cấp dịch vụ	931.380.895	931.380.895
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>6.924.070.107</i>	<i>6.914.207.431</i>
Phải trả về BHXH, BHYT, BHTN	100.323.097	69.460.421
Kinh phí công đoàn	3.466.981	3.466.981

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2

Địa chỉ: thôn Hoàng Liên, xã Bản Hồ, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của cán bộ công nhân viên để góp cổ phần vào Công ty Cổ phần Xây lắp Sông Đà Hoàng Liên	1.250.000.000	1.250.000.000
Quỹ Sông Đà	70.280.029	91.280.029
Phải trả Công ty Bảo hiểm BIC về hỗ trợ khắc phục sự cố năm 2010	5.500.000.000	5.500.000.000
Cộng	<u>7.855.451.002</u>	<u>7.845.588.326</u>

14. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**14a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả bên liên quan	27.162.260.197	26.020.125.993
Vay Tổng Công ty Sông Đà	27.162.260.197	26.020.125.993
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác	41.106.000.000	40.135.000.000
Vay ngắn hạn ngân hàng		
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	20.167.000.000	19.690.000.000
Vay Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	20.939.000.000	20.445.000.000
Cộng	<u>68.268.260.197</u>	<u>66.155.125.993</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số tiền vay		Kết chuyển từ vay dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
	Số đầu năm	phát sinh trong kỳ			
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	26.020.125.993	1.142.134.204	-	-	27.162.260.197
Vay dài hạn đến hạn trả	40.135.000.000	-	11.203.000.000	(10.232.000.000)	41.106.000.000
Cộng	<u>66.155.125.993</u>	<u>1.142.134.204</u>	<u>11.203.000.000</u>	<u>(10.232.000.000)</u>	<u>68.268.260.197</u>

14b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả bên liên quan	-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức khác	698.782.510.000	710.506.510.000
Vay dài hạn ngân hàng		
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Lào Cai ⁽ⁱ⁾	325.178.200.000	330.674.200.000
Vay Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam ⁽ⁱ⁾	337.712.110.000	343.419.110.000
Nợ thuê tài chính		
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾	35.892.200.000	36.413.200.000
Cộng	<u>698.782.510.000</u>	<u>710.506.510.000</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2

Địa chỉ: thôn Hoàng Liên, xã Bản Hồ, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Khoản vay dài hạn theo Hợp đồng đồng tài trợ giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai và Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam cùng các văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 03/2012/HĐ ngày 28 tháng 12 năm 2012 và số 01/2013/HĐ ngày 17 tháng 5 năm 2013. Tổng số tiền vay tối đa là 813.817.430.279 VND, thời hạn là 216 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (thời gian ân hạn là 48 tháng). Tài sản thế chấp là toàn bộ tài sản của Dự án thủy điện Sử Pán 2 (bao gồm tài sản hiện có và tài sản hình thành trong tương lai) và cùng Quyền sử dụng đất tại Dự án thủy điện Sử Pán 2 của bên vay.
- (ii) Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội ứng trước tiền theo hợp đồng cho thuê tài chính số 08 – 2879 – 03332/HĐCTTC ngày 30 tháng 09 năm 2008. Máy móc thiết bị sẽ được Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà - Hoàng Liên trực tiếp nhập khẩu theo hợp đồng số 01/2008/SĐHL-IWHR ngày 12 tháng 5 năm 2008 ký giữa Công ty Cổ phần Sông Đà - Hoàng Liên và Công ty Thủy điện Thủy lợi Bắc Kinh. Theo Phụ lục hợp đồng ngày 30 tháng 12 năm 2012 thì tổng số tiền đầu tư tài sản thuê tài chính là 44.442.884.743 VND. Hiện tại, hai bên chưa ký kết kế hoạch trả nợ đối với khoản vay này.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>
Số cuối kỳ				
Vay dài hạn ngân hàng	703.996.310.000	41.106.000.000	242.096.000.000	420.794.310.000
Nợ thuê tài chính	35.892.200.000	-	35.892.200.000	-
Cộng	739.888.510.000	41.106.000.000	277.988.200.000	420.794.310.000
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	714.228.310.000	40.135.000.000	197.584.000.000	476.509.310.000
Nợ thuê tài chính	36.413.200.000	-	36.413.200.000	-
Cộng	750.641.510.000	40.135.000.000	233.997.200.000	476.509.310.000

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay dài hạn ngân hàng	674.093.310.000	-	(11.203.000.000)	662.890.310.000
Nợ thuê tài chính	36.413.200.000	(521.000.000)	-	35.892.200.000
Cộng	710.506.510.000	(521.000.000)	(11.203.000.000)	698.782.510.000

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

15. Vốn chủ sở hữu

15a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm trước	152.460.000.000	(2.521.700.000)	(164.944.965.791)	(15.006.665.791)
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	(31.990.698.054)	(31.990.698.054)
Số dư cuối kỳ trước	152.460.000.000	(2.521.700.000)	(196.935.663.845)	(46.997.363.845)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2

Địa chỉ: thôn Hoàng Liên, xã Bản Hồ, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	152.460.000.000	(2.521.700.000)	(200.345.430.602)	(50.407.130.602)
Lợi nhuận kỳ này	-	-	(49.226.710.794)	(49.226.710.794)
Giảm khác	-	-	(374.298.684)	(374.298.684)
Số dư cuối kỳ này	<u>152.460.000.000</u>	<u>(2.521.700.000)</u>	<u>(249.946.440.080)</u>	<u>(100.008.140.080)</u>

15b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng Công ty Sông Đà	58.060.000.000	58.060.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	9.000.000.000	9.000.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	14.000.000.000	14.000.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	30.000.000.000	30.000.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí – lắp máy Sông Đà	7.000.000.000	7.000.000.000
Công đoàn ngành Xây dựng	5.000.000.000	5.000.000.000
Các cá nhân	29.400.000.000	29.400.000.000
Cổ phiếu quỹ	<u>(2.521.700.000)</u>	<u>(2.521.700.000)</u>
Cộng	<u>149.938.300.000</u>	<u>149.938.300.000</u>

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 ngày 27 tháng 6 năm 2016, tổng số vốn điều lệ của Công ty là 420.000.000.000 VND. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2016, các cổ đông đã góp là 152.460.000.000 VND. Số vốn còn phải góp là 267.540.000.000 VND.

15c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	42.000.000	42.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	15.246.000	15.246.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.246.000	15.246.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	205.000	205.000
- Cổ phiếu phổ thông	205.000	205.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.041.000	15.041.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.041.000	15.041.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Là doanh thu bán điện thương phẩm cho Công ty Mua bán điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2

Địa chỉ: thôn Hoàng Liên, xã Bản Hồ, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn của điện thương phẩm đã cung cấp trong năm.

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	7.920.346	3.907.480
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	24.918.694	-
Cộng	32.839.040	3.907.480

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	36.322.343.270	38.323.082.497
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	914.198	7.250.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	231.028.598
Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty liên kết	1.069.409.377	-
Chi phí tài chính khác	-	144.781.444
Cộng	37.392.666.845	38.706.142.539

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.563.873.995	1.804.243.859
Chi phí vật liệu quản lý	96.048.542	147.066.912
Chi phí đồ dùng văn phòng	58.405.008	57.840.637
Chi phí khấu hao tài sản cố định	67.965.285	182.651.658
Thuế, phí và lệ phí	59.346.159	25.691.137
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	825.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	483.156.520	397.327.461
Các chi phí khác	1.529.193.981	856.397.584
Cộng	4.682.989.490	3.471.219.248

6. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	121.298.737	-
Thu nhập từ bán thanh lý dự án Nậm Cùn	42.974.014.000	-
Cộng	43.095.312.737	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2

Địa chỉ: thôn Hoàng Liên, xã Bản Hồ, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	36.642.587	570.962.505
Lãi phạt chậm nộp bảo hiểm	48.481.253	-
Chi phí dự án Nậm Cùn bị thanh lý	59.766.044.016	-
Chi phí khác	21.192.306	10.000.000
Cộng	59.872.360.162	580.962.505

8. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(49.226.710.794)	(31.990.698.054)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(49.226.710.794)	(31.990.698.054)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	15.041.000	15.041.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(3.273)	(2.128)

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	15.041.000	15.041.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	15.041.000	15.041.000

8b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.655.849.633	147.066.912
Chi phí nhân công	4.089.479.513	3.590.694.553
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.915.549.265	24.030.235.638
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.041.121.968	3.601.001.457
Chi phí khác	10.526.880.183	6.056.507.737
Cộng	44.228.880.562	37.425.506.297

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2

Địa chỉ: thôn Hoàng Liên, xã Bản Hồ, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

1. Tiền thu từ đi vay

	Kỳ này	Kỳ trước
Tiền thu từ đi vay dưới hình thức lãi nhập gốc	1.142.134.204	1.157.167.790
Cộng	1.142.134.204	1.157.167.790

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong kỳ là 313.041.341 VND (cùng kỳ năm trước là 307.707.207 VND).

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng Công ty Sông Đà	Cổ đông góp vốn
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	Cổ đông góp vốn
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	Cổ đông góp vốn
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	Cổ đông góp vốn
Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Sông Đà	Cổ đông góp vốn
Công ty Cổ phần Xây lắp Sông Đà Hoàng Liên	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Sông Đà 25	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	Công ty cùng tập đoàn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty không phát sinh giao dịch với công ty liên kết cũng như các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết ngoài Tổng Công ty Sông Đà. Giao dịch phát sinh trong kỳ với Tổng Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2

Địa chỉ: thôn Hoàng Liên, xã Bản Hồ, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Sông Đà chỉ có giao dịch về tiền lãi vay nhập gốc với số tiền là 1.142.134.204 VND (cùng kỳ năm trước là 1.157.167.790 VND).

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.4, V.10, V.13 và V.14.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất điện và trong một khu vực địa lý là lãnh thổ Việt Nam.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Khoản phải thu khách hàng của Công ty chủ yếu liên quan đến một đơn vị là Công ty Mua bán điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc cũng như nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi để đôn đốc thu hồi.

Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ khoản phải thu khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng đang cho Công ty vay. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ khoản tiền gửi ngân hàng.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn nhưng không giảm giá</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.362.675.752	-	2.362.675.752
Phải thu khách hàng	25.483.037.297	-	25.483.037.297
Các khoản phải thu khác	3.121.234.650	17.565.791.788	20.687.026.438
Cộng	30.966.947.699	17.565.791.788	48.532.739.487
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.596.165.164	-	3.596.165.164

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2

Địa chỉ: thôn Hoàng Liên, xã Bản Hồ, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Cộng
Phải thu khách hàng	17.630.875.761	-	17.630.875.761
Các khoản phải thu khác	3.015.493.938	17.565.791.788	20.581.285.726
Cộng	24.242.534.863	17.565.791.788	41.808.326.651

3b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Phải trả người bán	68.268.260.197	277.988.200.000	420.794.310.000	767.050.770.197
Vay và nợ	131.854.554.520	-	-	131.854.554.520
Các khoản phải trả khác	203.519.820.889	-	-	203.519.820.889
Cộng	403.642.635.606	277.988.200.000	420.794.310.000	1.102.425.145.606
Số đầu năm				
Phải trả người bán	66.155.125.993	233.997.200.000	476.509.310.000	776.661.635.993
Vay và nợ	146.490.177.378	-	-	146.490.177.378
Các khoản phải trả khác	180.758.567.273	-	-	180.758.567.273
Cộng	393.403.870.644	233.997.200.000	476.509.310.000	1.103.910.380.644

3c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ và rủi ro lãi suất.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của lãi suất sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2

Địa chỉ: thôn Hoàng Liên, xã Bản Hồ, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	4.523,94
Phải trả người bán	-	(240.825,12)
Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ	-	(236.301,18)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ thuần ngoại tệ có giá trị không lớn.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.065.588.791	2.402.906.046
Vay và nợ	(739.888.510.000)	(750.641.510.000)
Nợ phải trả thuần có lãi suất thả nổi	(737.822.921.209)	(748.238.603.954)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 15.341.015.404 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 15.533.232.720 VND).

3d. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.362.675.752	-	3.596.165.164	-
Phải thu khách hàng	25.483.037.297	-	17.630.875.761	-
Các khoản phải thu khác	20.687.026.438	-	20.581.285.726	-
Cộng	48.532.739.487	-	41.808.326.651	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2

Địa chỉ: thôn Hoàng Liên, xã Bản Hồ, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người bán	767.050.770.197	776.661.635.993
Vay và nợ	131.854.554.520	146.490.177.378
Các khoản phải trả khác	203.519.820.889	180.758.567.273
Cộng	<u>1.102.425.145.606</u>	<u>1.103.910.380.644</u>

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong 06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty tiếp tục bị lỗ 49.226.710.794 VND và khoản lỗ lũy kế đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 249.946.440.080 VND. Ngoài ra tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 348.835.882.913 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông bất thường ngày 19 tháng 02 năm 2014, Công ty đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho đối tác chiến lược để tăng vốn điều lệ từ 152.260.000.000 VND lên 420.000.000.000 VND. Hiện tại Công ty vẫn đang tiếp tục làm việc với đối tác chiến lược để thực hiện việc phát hành này. Do vậy Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 vẫn được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2016

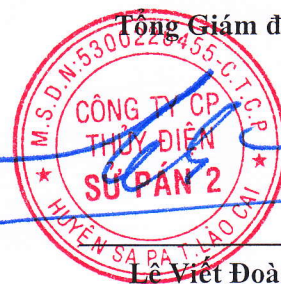
Người lập biểu

Kim Văn Sỹ

Kế toán trưởng

Nguyễn Bá Nhất

Tổng Giám đốc



Lê Việt Đoàn